TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 382/2019/DS-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Mạnh.

2. Bà Hồ Bích Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2018/DSST ngày 07 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3521/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 4449/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A (A)
Địa chỉ: 442 Đường NK, Phường N, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà KPĂ M, sinh năm 1987 (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/9/2018).
Địa chỉ: Tòa A, số Đường C, Phường M1, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (*Yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Đặng Phước C, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: 239/5 Đường NT, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017, các bản khai tiếp theo và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 30/9/2019, bà KPĂ M là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4212081023360 ngày 20/3/2012 của bị đơn, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản của bị đơn ký kết với nguyên đơn về việc sử dụng thẻ tín dụng, nguyên

đơn cấp thẻ tín dụng cho bị đơn: Số thẻ: 4365 9910 0004 3175, ngày cấp 21/3/2012, loại thẻ Visa Platinum, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), hiệu lực thẻ đến tháng 3/2015 (36 tháng), lãi suất cho vay của giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hoá dịch vụ là 24,8%/năm (lãi suất có thể thay đổi theo quy định của A trong từng thời kỳ).

Trong quá trình sử dụng, bị đơn bắt đầu kích hoạt sử dụng thẻ lần 1 ngày 23/3/2012 và lần 2 ngày 02/4/2015; thực hiện giao dịch rút tiền mặt tổng cộng là 292.000.000 đồng và giao dịch thanh toán dịch vụ tổng cộng là 105.930.195 đồng. Tính đến ngày 24/4/2016, bị đơn chỉ thanh toán được tổng số tiền là 382.998.157 đồng, bao gồm nợ gốc là 202.814.308 đồng, tiền lãi là 164.362.181 đồng, phạt chậm trả là 2.732.668 đồng và phí khác 13.089.000 đồng và ngưng không thanh toán tiếp. Ngày 25/7/2016, nguyên đơn đã thông báo chuyển số dư nợ của bị đơn là 212.717.294 đồng sang nợ quá hạn, chấm dứt việc sử dụng thẻ trước hạn và khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2017, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng là 287.802.953 đồng, trong đó dư nợ gốc là 212.717.294 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/6/2017 là 75.085.659 đồng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thoả thuận áp dụng từng thời điểm cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và Bảng kê tính lãi chi tiết đến ngày 30/9/2019, người đại diện của nguyên đơn trình bày yêu cầu cá nhân bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 482.425.072 đồng, trong đó dư nợ gốc là 212.717.294 đồng, tiền lãi quá hạn là 269.707.778 đồng; tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

Ông Đặng Phước C là bị đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, quá trình sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn tính đến ngày 24/4/2016, dư nợ thẻ tín dụng còn lại là 212.717.294 đồng nhưng bị đơn không thanh toán nợ gốc, tiền lãi theo điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A quy định đã thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 482.425.072 đồng, trong đó dư nợ gốc là 212.717.294 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2019 là 269.707.778 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ là có cơ sở.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thời điểm thụ lý vụ án bị đơn có địa chỉ thường trú tại 27 Đường P, Phường NT, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nhưng chuyển hộ khẩu thường trú đến địa chỉ 239/5 Đường NT, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/8/2017. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường NB, Quận M ngày 18/10/2017; Công an phường B, Quận H ngày 16/01/2018, xác định bị đơn có cư trú tại 239/5 Đường NT, phường B, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh. Bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; đồng thời xét xử vắng mặt theo yêu cầu của người đại diện nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định theo đề nghị của bị đơn, nguyên đơn đã cấp cho bị đơn sử dụng thẻ tín dụng Visa Platinum, số thẻ: 4365 9910 0004 3175 cấp ngày 21/3/2012, hạn mức thẻ 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), hiệu lực thẻ đến tháng 3/2015 (36 tháng), mức lãi suất cho vay của giao dịch rút tiền mặt và thanh toán hàng hoá dịch vụ có thể thay đổi theo quy định của A trong từng thời kỳ. Theo Bảng kê chi tiết quá trình sử dụng thẻ và bảng kê tính lãi đến ngày 30/9/2019, bị đơn đã thực hiện giao dịch rút tiền mặt và giao dịch thanh toán dịch vụ nhưng không thanh toán đúng hạn, đến ngày 25/7/2016 nguyên đơn chấm dứt việc bị đơn sử dụng thẻ trước hạn và chuyển nợ quá hạn số tiền dư nợ của bị đơn là 212.717.294 đồng, lãi suất quá hạn được điều chỉnh áp dụng từ ngày 25/7/2016 đến ngày 30/9/2019 số tiền lãi phát sinh là 269.707.778 đồng.

Xét giao dịch sử dụng thẻ tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, bị đơn không thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng các giao dịch bằng thẻ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán; mức lãi suất quá hạn nguyên đơn điều chỉnh áp dụng trong từng thời kỳ là phù hợp với thoả thuận của các bên ghi nhận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Điều 5 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn

thanh toán tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2019 tổng cộng số tiền là 482.425.072 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn thoả thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Xét trong quá trình chuẩn bị xét xử, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về địa chỉ cư trú của bị đơn, Toà án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 482.425.072 đồng (*Bốn trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật; tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đặng Phước C phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc là 212.717.294 đồng, tiền lãi là 269.707.778 đồng; tổng cộng số tiền là 482.425.072 đồng (*Bốn trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi hai đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Phước C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày

20/3/2012 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Phước C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 23.297.003 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn không lẻ ba đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 7.195.074 đồng (*Bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019881 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

Hoàng Thị Ánh